

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt dự án đầu tư: Hệ thống một cửa điện tử
tại UBND các huyện, thị xã tỉnh Bình Phước**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29/6/2006;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 102/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009 của Chính phủ về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 06/2011/TT-BTTTT ngày 28/02/2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về lập và quản lý chi phí đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin;

Căn cứ Quyết định số 933/QĐ-BTTTT ngày 01/7/2011 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông công bố định mức tạm thời về chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo kết quả thẩm định số 1475/BC-SKHĐT ngày 11/12/2013; Văn phòng UBND tỉnh tại Tờ trình số 1091/TTr-VPUBND ngày 15/11/2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư: Hệ thống một cửa điện tử tại UBND các huyện, thị xã tỉnh Bình Phước với những nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Hệ thống một cửa điện tử tại UBND các huyện, thị xã tỉnh Bình Phước.

2. Chủ đầu tư: Văn phòng UBND tỉnh Bình Phước.

3. Tổ chức tư vấn lập dự án: Công ty TNHH Giải pháp bảo mật Thế Hệ Mới.

4. Mục tiêu đầu tư:

- Xây dựng nền hành chính nhà nước trong sạch, vững mạnh, hiện đại; đảm bảo hoạt động có hiệu lực, hiệu quả trong quản lý; nâng cao năng lực trình độ, tinh

thần trách nhiệm của đội cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu phục vụ nhân dân.

- Từng bước đơn giản hóa thủ tục hành chính, dễ hiểu, dễ thực hiện; cắt giảm và nâng cao chất lượng thủ tục hành chính trong tất cả các lĩnh vực quản lý nhà nước; đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan hành chính nhà nước, đặc biệt là đầu tư triển khai mô hình một cửa điện tử cấp huyện góp phần vào sự phát triển chung của tỉnh.

5. Địa điểm đầu tư:

Tại UBND của 08 huyện, thị trên địa bàn tỉnh (thị xã Bình Long, thị xã Phước Long và các huyện Hớn Quản, Bù Gia Mập, Bù Đăng, Lộc Ninh, Bù Đốp, Đồng Phú).

6. Nội dung và quy mô đầu tư:

a) Phần cứng:

STT	Mô tả chi tiết	Đơn vị tính	Số lượng
I	Thiết bị CNTT trang bị tại phòng một cửa các huyện		
1	Máy tính để bàn	Bộ	70
2	Màn hình LCD 17"	Bộ	62
3	Switch 24 port	Bộ	8
4	Máy in	Bộ	24
5	Máy quét Kodak Scanmate i1120	Bộ	8
6	Máy Fax Laser	Bộ	8
7	Chi phí vận chuyển	Lần	8
8	Chi phí lắp đặt và cài đặt thiết bị	Lần	8
II	Hệ thống xếp hàng tự động		
1	Thiết bị điều khiển tại bàn (Counter terminal) VDS-OU350	Bộ	54
2	Thiết bị hiển thị tại bàn (Display terminal) VDS-DS100	Bộ	54
3	Thiết bị hiển thị trung tâm (Main Display) VDS-MD3LM	Bộ	16
4	Bàn điều khiển máy in phiếu (Ticket printer controller) VDS - TD211	Bộ	8
5	Phần mềm (Software) VDS-QMSys 6.8.1	Bộ	8
6	Bộ chia nguồn và tín hiệu	Bộ	8
7	Bộ khuếch đại âm thanh (Amplifier)	Bộ	8
8	Loa phát thanh (Speaker)	Bộ	16
9	Cable RJ45	Mét	1600
10	Vật tư giá đỡ thiết bị	Bộ	80
11	Chi phí vận chuyển	Công	8
12	Chi phí lắp đặt và cài đặt thiết bị	Công	8
III	Hệ thống kios tra cứu thông tin		
1	Màn hình cảm ứng LCD TKC 19" - MT9XXX	Bộ	8
2	Thiết bị đọc mã vạch bên cạnh máy tra cứu thông tin Metrologoc MS-7820	Bộ	8
3	Cable RJ45	Mét	800

STT	Mô tả chi tiết	Đơn vị tính	Số lượng
4	Máy đọc mã vạch tại quầy Motorola DS4208	Cái	54
5	Chi phí vận chuyển	Công	8
6	Chi phí lắp đặt và cài đặt thiết bị	Công	8
IV	Hệ thống hiển thị thông tin		
1	Tivi 40-Inch 1080p Slim Smart LED HDTV	Bộ	8
3	Cable tín hiệu	Mét	160
4	Cable cho màn hình 20 mét	dây	8
4	Giá đỡ màn hình	Bộ	8
5	Chi phí vận chuyển	Công	8
6	Chi phí lắp đặt và cài đặt thiết bị	Công	8
V	Các thiết bị tiện ích		
1	Máy photocopy	Bộ	8
2	Chi phí vận chuyển	Công	8
3	Chi phí lắp đặt và cài đặt thiết bị	Công	8
VI	Hệ thống máy lạnh		
1	Máy lạnh 2HP	Bộ	32
2	Ống dẫn gas + cách nhiệt máy lạnh 2HP	Mét	320
3	Ống thoát nước máy lạnh	Mét	320
4	Dây điện 2.5mm ² - Cadivi	Mét	1600
5	Vật tư phụ: vít, tắcke, simili,..	VT	8
6	Giá đỡ dàn nóng	Bộ	32
7	CB Panasonic 15A + hộp	Bộ	32
8	Nhân công lắp đặt máy lạnh 2HP	Máy	32
9	Chân kinh PVC 50 x 100	Mét	32
10	Nẹp điện 2cm	Mét	320
11	Xây lắp mạng nội bộ cho phòng một cửa	ngày	48
12	Thiết bị hỗ trợ xây lắp mạng nội bộ cho phòng một cửa	PK	8
VII	Hệ thống Camera		
1	Camera VP-3911	Bộ	32
2	Thiết bị ghi hình Camera Features - 4 channel D1 1.5U standalone DVR	Bộ	8
3	Ổ cứng 1000 GB gắn vào đầu thu lưu trữ	Ổ	8
4	Nguồn tổng và HUB trung chuyên cho 4 kênh; chống sét lan truyền nguồn 16KV	Cái	8
5	01 kênh passive video balun PV-3001C: Lọc nhiễu và cân bằng điện áp, chống điện lan truyền	Cái	32
6	Kênh passive (thu động). PV-201MC (gắn tại đầu thu) truyền và nhận video từ camera về đầu ghi với khoảng cách lên đến 300 mét chống nhiễu, chống sét lan truyền	Bộ	32
7	Cable tín hiệu và cable nguồn cùng trên 1 sợi	Mét	1600
8	Vật tư phụ (keo, dây rút, đinh, nẹp nhựa, ống luồn cable...)	VT	8
9	Chi phí vận chuyển	Công	8
10	Chi phí lắp đặt và cài đặt thiết bị	Công	8



STT	Mô tả chi tiết	Đơn vị tính	Số lượng
VIII	Hệ thống máy chủ		
	Hỗ trợ 1 năm đầu chi phí thuê máy chủ cài đặt hệ thống	tháng	96
IX	Hệ thống nhận tin nhắn và trả lời tin nhắn tự động		
	Hỗ trợ 1 năm đầu thuê dịch vụ đường truyền cáp quang	tháng	96

b) Phần mềm:

- Xây dựng phần mềm một cửa điện tử chuẩn và đầy đủ tất cả các lĩnh vực hành chính đang thực hiện tại các huyện, thị xã trên địa bàn tỉnh (Phần mềm được kế thừa và phát triển từ phần mềm một cửa điện tử đã triển khai thí điểm tại UBND thị xã Đông Xoài và UBND huyện Chơn Thành). Phần mềm được bảo hành 2 năm, trong thời gian bảo hành, nhà thầu có trách nhiệm nâng cấp về công nghệ cũng như sửa lỗi phần mềm và các dịch vụ khác.

- Phần mềm sau khi đầu tư trở thành bản quyền sở hữu của tỉnh, có thể chỉnh sửa, phát triển về sau và có thể được triển khai tại bất kỳ đơn vị nào.

c) Triển khai phần mềm:

Triển khai phần mềm tại bộ phận một cửa UBND các huyện, thị xã; đảm bảo việc vận hành phần mềm thông suốt, đáp ứng mục tiêu đầu tư của dự án.

7. Thiết kế sơ bộ: Theo hồ sơ dự án.

8. Thiết bị chính, phụ: Theo nội dung đầu tư của dự án.

9. Khái toán tổng mức đầu tư:

* Tổng mức đầu tư của dự án: 13.093.511.400 đồng

Trong đó:

- Chi phí thiết bị: 11.128.007.400 đồng

- Chi phí quản lý dự án: 205.707.000 đồng

- Chi phí tư vấn đầu tư: 329.598.000 đồng

- Chi phí khác: 873.799.000 đồng

- Chi phí dự phòng: 556.400.000 đồng

10. Nguồn vốn đầu tư: Vốn ngân sách nhà nước (vốn sự nghiệp).

11. Hình thức quản lý thực hiện dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý.

12. Thời gian thực hiện: Năm 2014 - 2015.

13. Kế hoạch đấu thầu: Kèm theo Quyết định này.

14. Những vấn đề cần thực hiện trong quá trình triển khai thực hiện dự án:

a) Chuẩn bị các điều kiện triển khai thực hiện dự án:

- UBND các huyện, thị xã thụ hưởng dự án chịu trách nhiệm đảm bảo cơ sở vật chất (xây dựng, cải tạo hoặc sửa chữa bộ phận một cửa) để đảm bảo lắp đặt hệ thống một cửa điện tử; chuẩn bị nhân lực có trình độ về công nghệ thông tin để tiếp nhận và vận hành hệ thống một cửa điện tử được đầu tư.

- Khi triển khai thực hiện dự án, Văn phòng UBND tỉnh là chủ đầu tư chịu trách nhiệm thông báo kịp thời các nội dung liên quan nêu trên và các vấn đề cần thiết khác cho UBND các huyện, thị xã thụ hưởng dự án và đảm bảo tính chủ động trong triển khai thực hiện dự án.

b) Về chi phí giám sát lắp đặt thiết bị:

Khi lập dự toán, chi phí giám sát lắp đặt thiết bị chỉ được tính toán đối với các thiết bị cần lắp đặt và phân nghiệm thu, cài đặt phần mềm được xây dựng thuộc dự án.

c) Đối với chi phí thiết bị phần cứng: Trước khi lập và phê duyệt dự toán, chủ đầu tư tổ chức thẩm định giá theo quy định.

15. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị liên quan:

Sở Tài chính chịu trách nhiệm thẩm tra dự toán chi phí đạo tạo, tập huấn và triển khai phần mềm trước khi phê duyệt và lựa chọn nhà thầu theo quy định hiện hành.

Điều 2. Văn phòng UBND tỉnh là chủ đầu tư, chịu trách nhiệm thực hiện đầy đủ các bước tiếp theo đúng với quy định hiện hành của Nhà nước về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin và về đấu thầu, tổ chức thực hiện tốt các nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Thông tin và Truyền thông, Nội vụ, Tư pháp, Kho bạc nhà nước Bình Phước; Chủ đầu tư, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã thụ hưởng dự án (08 huyện, thị xã) và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh
- Như Điều 3;
- LĐVP, Phòng KTTH, VX, NC;
- Lưu: VT (Ngh: 26.12).

10/10

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Trâm

KẾ HOẠCH ĐẦU THẦU

Dự án: Hệ thống một cửa điện tử tại UBND các huyện, thị xã tỉnh Bình Phước
(Kèm theo Quyết định số ~~2657~~ 2657./QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2013 của UBND tỉnh Bình Phước)

STT	Tên và nội dung gói thầu	Giá gói thầu (đồng)	Nguồn vốn	Hình thức đấu thầu	Phương thức đấu thầu	Thời gian lựa chọn nhà thầu	Hình thức hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
I	Mua sắm hàng hóa							
1	HH1: Cung cấp, lắp đặt thiết bị phần cứng hệ thống một cửa tại UBND 8 huyện, thị của tỉnh Bình Phước	5.400.228.400	NSNN (vốn sự nghiệp)	Đấu thầu rộng rãi trong nước	Một túi hồ sơ	Năm 2014	Trọn gói	40 ngày
2	HH2: Xây dựng phần mềm một cửa điện tử dùng chung trên địa bàn tỉnh Bình Phước	5.727.779.000		Chi định thầu	-	Năm 2014	Trọn gói	60 ngày
3	HH3: Đào tạo, tập huấn, triển khai phần mềm "Một cửa điện tử" tại UBND 8 huyện, thị của tỉnh Bình Phước	817.600.000		Chi định thầu	-	Năm 2014	Trọn gói	40 ngày
II	Dịch vụ tư vấn							
1	Tư vấn lựa chọn nhà thầu gói thầu HH1	10.226.000	NSNN (vốn sự nghiệp)	Chi định thầu	-	Năm 2014	Trọn gói	60 ngày
2	Tư vấn lựa chọn nhà thầu gói thầu HH2	14.869.000		Chi định thầu	-	Năm 2014	Trọn gói	60 ngày
3	Giám sát lắp đặt thiết bị	218.285.000		Chi định thầu	-	Năm 2014	Trọn gói	Theo thời gian các hợp đồng cung cấp lắp đặt thiết bị và cài đặt phần mềm
4	Thẩm định giá thiết bị	20.000.000		Chi định thầu	-	Năm 2014	Trọn gói	10 ngày
	Tổng cộng	12.208.987.400						

(Việc lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu HH3 do chủ đầu tư tự thực hiện)